

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 12/2024
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 04/12/2024

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	40	50	-10	12,600
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	0	37,280
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	40	50	-10	22,200
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	40	30	10	21,350
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	30	40	-10	12,920
6	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	50	50	0	55,210
7	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	50	40	10	57,300
8	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	0	49,350
9	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	0	68,030
10	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	0	30,300
11	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	0	180,000
12	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	0	56,600
13	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	20	20	0	17,550
14	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	0	65,510
15	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	30	40	-10	57,000
16	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	0	56,060
17	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	40	40	0	11,070
18	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	0	20,045
19	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	40	40	0	16,100
20	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	40	50	-10	21,380
21	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	0	73,050
22	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	0	65,830
23	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	0	45,900
24	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	0	17,850
25	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	40	40	0	55,580
26	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	100	30	30	0	98,100
27	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	0	52,500
28	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	0	130,000
29	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	0	35,000
30	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	0	39,830
31	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	0	18,230
32	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	40	0	30,000
33	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	0	48,940
34	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	0	130,880

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
35	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	50	0	45,290
36	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	0	60,750
37	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	0	51,680
38	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	0	146,980
39	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	0	49,080
40	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	0	20,000
41	DNP	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	100	50	50	0	25,000
42	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	40	0	77,700
43	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	39,870
44	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	50	0	56,180
45	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	50	50	0	41,180
46	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	0	81,150
47	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	40	40	0	117,000
48	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	30	0	25,880
49	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	0	24,000
50	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	40	40	0	14,380
51	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	0	16,000
52	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	30	0	5,300
53	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	0	68,780
54	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	0	154,430
55	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	0	37,940
56	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	0	102,300
57	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	30	30	0	14,120
58	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	0	21,000
59	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	0	67,360
60	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	50	0	19,200
61	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	40	40	0	42,770
62	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	0	69,600
63	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	40	30	10	24,000
64	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	0	30,000
65	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	0	37,200
66	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	30	40	-10	26,270
67	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	0	42,380
68	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	50	25	25	0	100,000
69	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	60	30	30	0	10,000
70	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	0	38,780
71	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	30	30	0	4,210
72	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	0	28,200
73	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	30	30	0	10,950
74	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	90	45	45	0	20,000
75	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	0	81,300

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
76	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	30	30	0	12,300
77	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	40	40	0	19,880
78	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	0	57,990
79	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	40	40	0	40,350
80	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	0	75,150
81	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	0	28,140
82	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	50	50	0	18,080
83	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	0	26,180
84	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	0	15,080
85	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	0	4,350
86	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	0	47,550
87	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	0	41,970
88	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	0	36,000
89	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	0	35,330
90	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	0	17,250
91	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	0	80,000
92	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	0	82,710
93	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	0	23,330
94	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	50	50	0	29,550
95	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	100	30	30	0	24,390
96	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	0	107,000
97	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	0	119,850
98	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	40	10	28,950
99	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	20	30	-10	56,850
100	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	0	31,730
101	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	40	40	0	27,900
102	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	0	86,700
103	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	40	50	-10	15,680
104	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	0	40,980
105	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	0	26,090
106	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	100	50	40	10	33,600
107	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	0	25,000
108	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	0	31,930
109	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	0	22,280
110	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	46,800
111	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	0	49,500
112	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	30	0	8,330
113	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	0	80,350
114	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	30	30	0	31,080
115	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	0	58,580

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
116	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	0	141,000
117	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	17,050
118	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	40,200
119	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	50	0	15,000
120	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	0	33,340
121	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	0	10,350
122	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	0	70,650
123	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	0	50,400
124	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	0	40,580
125	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	0	97,500
126	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	0	10,650
127	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	0	82,950
128	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	30	30	0	9,590
129	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	0	45,680
130	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	40	40	0	17,780
131	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	30	30	0	7,370
132	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	0	113,170
133	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	0	15,680
134	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	0	12,500
135	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	40	50	-10	19,800
136	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	0	50,000
137	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	0	262,800
138	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	40	40	0	36,000
139	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	0	20,000
140	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	0	36,900
141	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	0	49,580
142	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	30	30	0	37,130
143	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	40	50	-10	49,790
144	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	0	62,930
145	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	0	34,800
146	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	50	50	0	23,630
147	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	0	69,380
148	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	40	40	0	72,620
149	THT	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	100	50	50	0	18,300
150	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	0	32,400
151	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	0	88,200
152	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	80	40	40	0	48,000
153	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	50	0	36,750
154	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	0	24,380

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
155	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	0	8,700
156	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	0	113,250
157	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	50	0	70,950
158	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	80	40	40	0	8,000
159	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	30	30	0	44,480
160	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	40	40	0	26,920
161	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	0	20,000
162	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	0	131,120
163	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	0	26,030
164	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	0	48,140
165	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	0	96,150
166	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	50	50	0	26,930
167	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	40	50	-10	61,800
168	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	20	20	0	47,250
169	VHC	Công ty Cổ phần Vinh Hoàn	100	50	50	0	107,850
170	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	0	64,950
171	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	0	27,450
172	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	0	40,000
173	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	30	30	0	20,400
174	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	0	12,000
175	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	50	40	10	152,550
176	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	0	20,000
177	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	0	95,850
178	VOS	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	100	30	40	-10	22,650
179	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	0	29,480
180	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	0	40000
181	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	0	27300
182	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	40	40	0	23850
183	VSH	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	100	40	40	0	76500
184	VTO	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	100	40	50	-10	19730
185	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	40	50	-10	80000
186	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
187	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
188	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
189	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
190	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
191	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
192	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
193	ADS	Công ty cổ phần Damsan	50	0			0
194	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
195	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	50	0			0
196	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
197	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
198	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	50	0			0
199	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
200	BCG	Công ty cổ phần Bamboo Capital	50	0			0
201	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
202	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
203	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
204	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
205	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
206	C32	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	0	0			0
207	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Cù Chi	0	0			0
208	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
209	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
210	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
211	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
212	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0
213	CTF	Công ty cổ phần City Auto	0	0			0
214	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
215	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
216	DAH	Công ty cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	0	0			0
217	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
218	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
219	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
220	DHM	Công ty cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	0	0			0
221	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
222	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
223	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
224	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
225	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0
226	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
227	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
228	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	50	0			0
229	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
230	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
231	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
232	HAP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	0	0			0
233	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
234	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
235	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
236	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
237	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	0	0			0
238	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
239	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
240	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
241	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
242	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
243	HT1	Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	50	0			0
244	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
245	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
246	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
247	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
248	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
249	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	0			0
250	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
251	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	50	0			0
252	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khai Hoàn Land	0	0			0
253	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
254	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
255	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
256	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
257	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
258	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
259	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	50	0			0
260	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
261	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
262	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
263	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
264	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
265	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
266	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
267	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
268	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
269	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
270	NO1	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	50	0			0
271	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
272	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
273	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	50	0			0
274	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
275	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
276	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
277	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
278	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
279	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
280	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	0			0
281	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
282	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
283	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
284	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
285	SAV	Công ty Cổ phần Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu SAVIMEX	0	0			0
286	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
287	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
288	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
289	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
290	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
291	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
292	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
293	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
294	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	50	0			0
295	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	50	0			0
296	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
297	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
298	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
299	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	50	0			0
300	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
301	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
302	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
303	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
304	TCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	0	0			0
305	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	0	0			0
306	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
307	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
308	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
309	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
310	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
311	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
312	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0
313	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
314	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
315	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
316	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
317	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
318	TN1	Cô phiêu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
319	TNH	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	50	0			0
320	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
321	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
322	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
323	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
324	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
325	VCA	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	0	0			0
326	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
327	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
328	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
329	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
330	VMD	Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	0	0			0
331	VNG	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	0	0			0
332	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
333	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
334	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
335	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
336	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
337	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
338	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
339	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
340	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0
341	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
342	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
343	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
344	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
345	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
346	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
347	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
348	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
349	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
350	BDB	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	0	0			0
351	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
352	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
353	BNA	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc	50	0			0
354	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
355	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
356	BST	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bình Thuận	0	0			0
357	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
358	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
359	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
360	CAG	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	0	0			0
361	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
362	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
363	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
364	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
365	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
366	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
367	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
368	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
369	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
370	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
371	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
372	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
373	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
374	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
375	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
376	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
377	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
378	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
379	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
380	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
381	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
382	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
383	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
384	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
385	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
386	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
387	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
388	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
389	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
390	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
391	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	0	0			0
392	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
393	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
394	GKM	Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh	0	0			0
395	GMA	Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	0	0			0
396	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
397	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
398	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
399	HBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	0	0			0
400	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
401	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
402	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
403	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
404	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
405	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
406	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
407	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
408	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
409	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
410	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
411	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	0	0			0
412	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
413	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
414	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
415	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
416	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
417	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
418	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
419	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
420	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
421	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
422	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	0	0			0
423	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
424	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
425	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
426	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
427	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
428	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
429	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
430	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
431	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
432	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
433	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
434	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	0	0			0
435	NBP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	0	0			0
436	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
437	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
438	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
439	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
440	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
441	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
442	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
443	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
444	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	50	0			0
445	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
446	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
447	PGN	Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	0	0			0
448	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
449	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
450	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
451	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
452	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
453	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
454	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
455	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
456	POT	Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	0	0			0
457	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
458	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
459	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
460	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
461	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
462	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
463	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
464	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
465	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
466	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
467	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
468	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
469	PTX	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
470	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
471	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
472	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
473	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
474	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
475	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
476	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
477	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
478	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
479	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
480	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
481	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
482	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
483	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
484	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
485	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
486	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
487	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
488	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
489	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
490	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
491	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
492	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
493	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
494	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
495	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
496	TBX	Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình	0	0			0
497	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
498	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
499	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
500	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
501	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
502	TIG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 12/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T12/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T11/2024	Thay đổi	
503	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
504	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
505	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
506	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
507	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
508	TPH	Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại T.P Hà Nội	0	0			0
509	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
510	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
511	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
512	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
513	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
514	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
515	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
516	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
517	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
518	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
519	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
520	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
521	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
522	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
523	VE3	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0	0			0
524	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
525	VHE	Cô phiếu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
526	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
527	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
528	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
529	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
530	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
531	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
532	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
533	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
534	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
535	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
536	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0